

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 3186/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 23/8/2022

V/v Ly hôn.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Cao Văn Thiên.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Huỳnh Tiến Dũng;
2. Ông Chu Mạnh Tường.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Trường Giang – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức tham gia phiên tòa:** Ông Võ Cao Hùng – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 567/2022/TLST-HNGĐ ngày 17/3/2022 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 4553/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 7 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 5249/2022/QĐST-HNGĐ ngày 29/7/2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Hà Thị Hồng N, sinh năm: 1990

Địa chỉ thường trú: Ấp B, xã Đ, huyện B, tỉnh Bến Tre.

2. *Bị đơn:* Ông Tiêu Tôn H, sinh năm: 1975

Địa chỉ thường trú: 74 Đường K, khu phố J, phường L, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

(1) Nội dung nguyên đơn khởi kiện: Bà Hà Thị Hồng N và ông Tiêu Tôn H tự nguyện tiến tới hôn nhân năm 2019, có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 15 do Ủy ban nhân dân phường L, quận Thủ Đức (nay là thành phố Thủ Đức), Thành phố Hồ Chí Minh đăng ký ngày 23/01/2019. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại nhà số 74, đường 5, khu phố J, phường L, thành phố Thủ Đức, cuộc sống hôn nhân giữa hai bên không hạnh phúc như mong đợi, vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn,

tình cảm không còn, có hàn gắn cũng không mang lại hạnh phúc. Nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu là do ông H quá gia trưởng, không tôn trọng, thường xuyên xúc phạm danh dự nhân phẩm bà N. Hai bên đã nhiều lần hòa giải để đoàn tụ, cố gắng tạo điều kiện để hàn gắn tình cảm nhưng không có kết quả, đã sống ly thân từ tháng 5 năm 2020 cho đến nay. Bà N xác định, tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung mâu thuẫn trầm trọng, không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, có hàn gắn cũng không mang lại hạnh phúc. Do vậy, bà Hà Thị Hồng N khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Tiêu Tôn H để ổn định cuộc sống về sau. Bà Hà Thị Hồng N tự xác định giữa hai bên không có con chung. Về tài sản chung bà Hà Thị Hồng N xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, hai bên không có nợ chung.

(2) Bị đơn ông Tiêu Tôn H không hợp tác, không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án, vắng mặt trong các buổi làm việc và trong phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải. Bị đơn ông Tiêu Tôn H tiếp tục vắng mặt tại phiên tòa lần thứ nhất nên Hội đồng xét xử đã hoãn phiên tòa theo đúng quy định.

(3) Tại phiên tòa sơ thẩm lần thứ hai: Bị đơn ông Tiêu Tôn H vắng mặt không có lý do, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Nguyên đơn bà Hà Thị Hồng N có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện như trên.

(4) Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến: Tòa án đã tiến hành tố tụng từ khi thụ lý cho đến mở phiên tòa đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử và đương sự chấp hành đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận. Đối với bị đơn ông Tiêu Tôn H vắng mặt tại phiên tòa đến lần thứ hai mà không có lý do chính đáng, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan đề nghị Tòa án áp dụng Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn. Về nội dung, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ và hợp pháp, đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bà Hà Thị Hồng N khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Tiêu Tôn H là tranh chấp hôn nhân gia đình thuộc trường hợp được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Tại thời điểm Tòa án đang thụ lý giải quyết vụ kiện, bị đơn ông Tiêu Tôn H đang cư trú trên địa bàn thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Hà Thị Hồng N có đề nghị được xét xử vắng mặt, bị đơn ông Tiêu Tôn H vắng mặt tại phiên tòa đến lần thứ hai mà không có lý do chính

đáng, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, Hội đồng xét xử áp dụng Điều 227, Điều 228 và Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng nguyên đơn và bị đơn.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[3.1] *Về quan hệ hôn nhân*: Căn cứ theo giấy chứng nhận kết hôn số 15 do Ủy ban nhân dân phường L, quận Thủ Đức (nay là thành phố Thủ Đức), Thành phố Hồ Chí Minh đăng ký ngày 23/01/2019, có cơ sở xác định giữa bà Hà Thị Hồng N và ông Tiêu Tôn H có quan hệ hôn nhân hợp pháp. Căn cứ quy định tại Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và căn cứ vào sự thừa nhận và không phản đối của các bên đương sự về nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn chính giữa hai bên là do thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, hai bên không còn tình cảm, không yêu thương, chia sẻ, ông H có tính gia trưởng, thiếu tôn trọng vợ, giữa hai bên có nhiều quan điểm bất đồng trong đời sống hôn nhân. Hội đồng xét xử nhận thấy, từ khi nhận được thông báo bà N nộp đơn khởi kiện ly hôn tại Tòa án nhưng ông Tiêu Tôn H vẫn không có thiện chí hòa giải để các bên đoàn tụ, mặc cho bà N khởi kiện ly hôn đơn phương và không quan tâm kết quả Tòa án giải quyết như thế nào. Xét thấy, hai bên không còn tình cảm, không yêu thương, chia sẻ làm cho đời sống hôn nhân lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân giữa hai bên không đạt được. Tình trạng hôn nhân giữa bà Hà Thị Hồng N và ông Tiêu Tôn H thuộc trường hợp Tòa án giải quyết cho ly hôn theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[3.2] *Về con chung*: Nguyên đơn bà Hà Thị Hồng N tự xác định giữa hai bên không có con chung. Do vậy, hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3.3] *Về tài sản chung*: Nguyên đơn bà Hà Thị Hồng N xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3.4] *Về nghĩa vụ chung (nợ chung)*: Nguyên đơn bà Hà Thị Hồng N tự xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nguyên đơn bà Hà Thị Hồng N phải nộp theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 5, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 92, khoản 4 Điều 147, Điều 186, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 266, Điều 273, Điều 280, Điều 482 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 51, Điều 53, Điều 54, Điều 56, Điều 57 và Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Bà Hà Thị Hồng N được ly hôn với ông Tiêu Tôn H.
- *Về con chung*: Bà Hà Thị Hồng N tự xác định không có con chung.
- *Về tài sản chung*: Bà Hà Thị Hồng N xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- *Về nợ chung*: Bà Hà Thị Hồng N tự xác định không có.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) buộc bà Hà Thị Hồng N phải nộp theo quy định, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà Hà Thị Hồng N đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0026110 ngày 14/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Hà Thị Hồng N đã nộp đủ án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự, đã được sửa đổi bổ sung năm 2014.

**Nơi nhận:**

- TAND TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- VKSND Tp.Thủ Đức;
- CCTHADS Tp.Thủ Đức;
- Các đương sự;
- Cơ quan đăng ký kết hôn;
- Lưu HS,VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Cao Văn Thiên**

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**HỘI THẨM NHÂN DÂN**

**THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**





